

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vành Si Tha; bà Trần Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân khu vực 14 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 356/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Tổ H, ấp A, xã B, tỉnh An Giang** (có mặt).

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Cẩm C**, sinh năm 1978. Địa chỉ: **Tổ H, ấp A, xã B, tỉnh An Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông **Nguyễn Văn V** trình bày:* Vào năm 2000, do tự tìm hiểu nhau nên ông **V** và bà **C** đi đến xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T (nay là xã B, tỉnh An Giang)** vào ngày 22 tháng 8 năm 2000. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên chỉ sau một thời gian ngắn ông **V** và bà **C** phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên, không thể hòa hợp trong đời sống hôn nhân, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm nên ông **V** yêu cầu ly hôn với bà **C**.

Về con chung có 01 (một) con chung tên **Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh ngày 27/4/1999, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài

sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà **Huỳnh Thị Cẩm C** đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bị đơn bà **Huỳnh Thị Cẩm C** đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà **Huỳnh Thị Cẩm C**.

Về thẩm quyền giải quyết, bị đơn bà **Huỳnh Thị Cẩm C** có đăng ký thường trú tại **ấp A, xã B, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung vụ án

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T (nay là xã B, tỉnh An Giang)** vào ngày 22 tháng 8 năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Xét quá trình chung sống, cả hai có quá nhiều mâu thuẫn, dẫn đến rạn nứt, không còn chung sống cùng nhau kéo dài từ năm 2010 cho đến nay theo như ông **V** trình bày và tại Biên bản xác minh ngày 25 tháng 12 năm 2025, đại diện Văn phòng **ấp A, xã B** cung cấp thông tin: "...ông **V** và bà **C** đều đã có gia đình riêng. Mâu thuẫn giữa ông **V** và bà **C** thì địa phương không biết do không

trình báo...”. Điều này cho thấy, hôn nhân của cả hai đã chấm dứt từ nhiều năm đến nay, bỏ mặc nhau ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Đồng thời, bị đơn Huỳnh Thị Cẩm C đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về phiên hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham dự, từ đó cho thấy bị đơn Huỳnh Thị Cẩm C đã từ bỏ, không có thiện chí đối với hôn nhân này, cho nên nguyên đơn Nguyễn Văn V khởi kiện ly hôn với bị đơn Huỳnh Thị Cẩm C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, cả hai có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 27/4/1999 đã trưởng thành nên không đề cập. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn V khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị Cẩm C không phải chịu án phí.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm C.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0009383 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang, ông Nguyễn Văn V đã nộp đủ án phí; bà Huỳnh Thị Cẩm C không phải chịu án phí.

[3] Về quyền kháng cáo, ông Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Cẩm C là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 – An Giang;
- UBND xã Ba Chúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ngọc Hà